

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 57/2017/HSPT
Ngày 18/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiêm

Ông Nguyễn Hữu Chế

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2017/HSPT ngày 12 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Hoàng Văn C do có kháng cáo của bị cáo C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2017/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo kháng cáo:

Hoàng Văn C, sinh năm 1969 tại Hải Phòng; trú tại: Thôn 4 A, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; con ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị N1 (đều đã chết); có vợ là Hoàng Thị K, sinh năm 1972; có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Hoàng Thị K1, Nguyễn Văn T1, Đặng Thị P, Nguyễn Thị L không có kháng cáo và không bị kháng nghị: Vắng mặt (do Tòa án không triệu tập).

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 04/8/2016, Công an huyện T nhận được đơn trình báo của Đặng Thị P về việc: P và L đánh bạc dưới hình thức “chơi số đề” nhiều lần. Khoảng gần 18h ngày 04/8/2016, Nguyễn Thị L mang 03 cọc tiền (bên ngoài bọc tiền thật các mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng, ở giữa là tiền

âm phủ) đựng trong túi ni lon màu đen đến nhà P để đánh đề. L đánh 50 số đề với tổng số tiền 290.000.000 đồng. Do gần sát giờ quay xổ số nên P không kiểm tra kĩ tiền L đưa để đánh bạc mà chỉ mở ra xem qua rồi cất vào tủ. P liên lạc với những người bán đề khác để “kênh” tiền L đánh bạc, nhưng không ai đồng ý đánh bạc với L nên P và L thống nhất không đánh bạc nữa. P vẫn giữ số tiền trên để trừ 120.000.000 đồng tiền L nợ đánh bạc ngày 02/8/2016. Quá trình kiểm đếm thì P phát hiện trong 03 cọc tiền L đưa chỉ có 11.100.000 đồng tiền thật còn ở giữa các cọc tiền có nhiều tiền âm phủ nên đến Công an huyện T trình báo.

Tại Cơ quan điều tra, P khai đã cùng với Hoàng Văn C, Hoàng Thị K1, Nguyễn Văn T1 và Phạm Nhật T2, sinh năm 1958, trú tại: Thôn 4, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng đánh bạc với Nguyễn Thị L.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn C, Hoàng Thị K1, Nguyễn Văn T1, Đặng Thị P, Nguyễn Thị L và tiến hành kiểm tra nơi ở của Phạm Nhật L:

Thu giữ của Hoàng Thị K1: 01 máy fax nhãn hiệu Panasonic KX- FP 711 thuê bao 0313674629, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

Thu giữ của Hoàng Văn C: 01 máy fax nhãn hiệu Panasonic KX- FT 983 số thuê bao 0313694484, 01 tờ giấy (bản fax) số đề ngày 02/8/2016, 01 tờ phôi đề ghi các số đề, số bao, số ba càng ngày 02/8/2016, 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng và màu xanh.

Thu giữ của Đặng Thị P: 02 bảng đề ngày 04/8/2016, 01 bàn nhựa màu đỏ nhãn hiệu Song Long, 01 tấm vải chải bàn trên ghi dòng chữ “xổ số Hải Phòng”, 01 tệp giấy trắng khổ A4, 01 ghế nhựa màu đỏ, 01 bảng gỗ ghi kết quả xổ số, 01 tập tích kê ghi lô tô, 01 ví da bên trong có 06 bút bi.

Thu giữ của Nguyễn Thị L 01 giấy nhận tiền, 01 chứng minh thư nhân dân.

Không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì liên quan đến vụ án tại nhà của Nguyễn Văn T1, Phạm Nhật L.

Tại bản Kết luận giám định về kỹ thuật số và điện tử số 3622/C54-(P5+P6) ngày 30/11/2016 của Viện Khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát kết luận: Các dữ liệu điện tử thu giữ trong máy fax Panasonic KX- FP 711 của K1 có 27 số fax đến, 03 lượt fax đi (không xác định được số fax), không xác định bản nào là fax gửi đi, bản nào là fax nhận, không xác định được năm fax đến, fax đi. Các dữ liệu điện tử thu giữ trong máy fax Panasonic KX- FT 983 của C có 15 số và 01 tên (không xác định được số) fax đến, 14 lượt fax đi (không xác định được số fax), không xác định được năm fax đến, fax đi.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn C, Hoàng Thị K1, Nguyễn Văn T1, Đặng Thị P, Nguyễn Thị L khai: Khoảng tháng 06 năm 2016, Hoàng Văn C bắt đầu thực hiện tổ chức đánh bạc dưới hình thức chơi số đề, C mua và lắp đặt máy fax tại nhà mình để phục vụ cho việc nhận, chuyển số đề thuận tiện. C thuê K1 bán số đề, K1

có nhiệm vụ bán đề cho người khác hoặc tìm thêm người bán đề để hưởng hoa hồng. K1 cũng trang bị máy fax tại nhà để nhận và chuyển số đề. K1 bàn bạc, thỏa thuận P bán đề thuê cho K1 tại nhà P. K1 bảo T1 (là con trai K1) đến nhà P thu bảng đề vào cuối ngày mang về cho K1. K1 nhận bảng đề của P sẽ fax cho C để tổng hợp lại số tiền bán đề trong ngày. Thời gian các đối tượng bán đề trong khoảng thời gian từ 16 giờ đến 18 giờ hàng ngày. Việc thắng thua sẽ được so sánh với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc. Các đối tượng thỏa thuận: “Số đề” (trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt), tỷ lệ thắng gấp 80 lần; “ba càng” (trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt), tỷ lệ thắng gấp 400 lần; “bao thường” (trùng với 02 số cuối của tất cả các giải), tỷ lệ thắng gấp 3,4 lần; “bao xiên” (là số lần lặp lại của các số ở tất cả các giải), “xiên đôi” tỷ lệ thắng gấp 14 lần, “xiên ba” tỷ lệ thắng gấp 48 lần, “xiên bốn” tỷ lệ thắng gấp 180 lần. Tiền công bán đề K1, P được hưởng sẽ tính trên tổng số tiền đề bán thu được mỗi ngày, tùy theo cách thức chơi bạc mà P và K1 sẽ được hưởng số phần trăm khác nhau. L trả cho C: Số đề 18%, ba càng 30%, bao thường 07%, bao xiên 20%. C trả cho K1: Số đề 19%, ba càng 40%, bao thường 07%, bao xiên 20%. K1 trả cho P: Số đề 15%, ba càng 20%, bao thường 05%, bao xiên 15%. T1 được K1 nuôi ăn ở không mất tiền. Tiền hoa hồng các đối tượng sẽ thanh toán trực tiếp vào ngày hôm sau.

L thường xuyên chơi bạc với P nhưng không nhớ chính xác thời gian và số tiền chơi. L chỉ nhớ nợ P tiền đánh bạc ngày 02/8/2016, có ghi giấy nhận nợ với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Ngày 02/8/2016, L đánh 50 số đề (gồm các số đầu lẻ đuôi chẵn và các số đầu chẵn đuôi lẻ) mỗi số 3.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 150.000.000 đồng. P trừ cho L 10% tổng số tiền đánh đề tương đương với 15.000.000 đồng. L trả cho P 15.000.000 đồng tiền mặt còn nợ lại 120.000.000 đồng. Cuối ngày 02/8/2016 L không trúng đề, P yêu cầu L viết một giấy nhận tiền ghi nội dung P đưa cho L 120.000.000 đồng nhờ L mua xe máy để tránh bị phát hiện. Ngoài ra, P còn ghi 02 số đề 20.000 đồng cho một đối tượng (không xác định được căn cước lai lịch). Tổng số tiền P bán đề ngày 02/8/2016 là 150.020.000 đồng. P đã chuyển bảng đề này cho Nguyễn Văn T1 để T1 chuyển cho K1. K1 ghi thêm 02 số đề 30.000 đồng cho một đối tượng (không xác định được căn cước lai lịch). Tổng số tiền K1 nhận đánh bạc ngày 02/8/2016 là 150.050.000 đồng. Sau đó, K1 nhờ con trai là Nguyễn Văn T3, sinh năm 1991 ở tại xã B, huyện T, Hải Phòng fax bảng đề trên cho C. K1 không nói cho T3 biết đây là bảng đề. C nhận được bảng đề của K1, thấy số tiền lớn đã “kênh” bớt cho Phạm Nhật L qua hệ thống fax số tiền 117.740.000 đồng và giữ lại 32.310.000 đồng. Đồng thời C còn trực tiếp ghi đề với nhiều người khác (không xác định được căn cước, lai lịch) gồm các số bao, ba càng với số tiền 405.000 đồng. Tổng số tiền C bán đề ngày 02/8/2016 là 150.455.000 đồng. C fax chuyển cho L là 118.145.000 đồng. Do chữ C xấu, sợ L đọc không chính xác nên C đã nhờ con gái là Hoàng Thị V, sinh năm 1995, ở tại thôn 5 xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng chép lại nội dung fax nhận được của K1 để chuyển cho L. V không biết việc C và L đánh bạc.

Tiền thu lời bất chính của các đối tượng ngày 02/8/2016 tính như sau: Ngày

03/8/2016, C đối trừ tiền đánh bạc và kênh chuyển với L, tổng số tiền C trả cho L là 96.866.000 đồng nhưng do không đủ tiền nên chỉ trả 91.866.000 đồng cho Trần Thị X, sinh năm 1963, ở tại thôn 4 xã B, huyện T (là vợ của Phạm Nhật L). C còn nợ L 5.000.000 đồng. C thu của K1 150.050.000 đồng, trả cho K1 19%, K1 được hưởng 28.509.500 đồng. K1 thu của P 150.020.000đ, trả cho P 15%, P được hưởng 22.503.000 đồng. P trừ cho L 10%, L được hưởng 15.000.000 đồng. Thực tế số tiền thu lợi bất chính P được hưởng là 7.503.000 đồng, K1 được hưởng 6.006.500 đồng, C hưởng 121.946.000 đồng.

Đối với nguồn gốc 02 bảng đề cơ quan công an thu giữ của P ngày 04/8/2016, các bị cáo khai: Trong đó, có 01 bảng đề ghi 290.000.000 đồng (số tiền L đánh đề) nhưng do số lượng tiền lớn, không ai nhận đánh đề với L nên P và L đã thống nhất không đánh bạc nữa. Còn 01 bảng đề ghi tổng số tiền 1.883.000 đồng, trong đó số đề là 935.000 đồng, có số 13 ghi 2.000 đồng, cuối ngày trúng được 160.000 đồng; số bao là 800.000 đồng; bao xiên là 80.000 đồng, ba còng 18.000 đồng. P ghi đề cho một số người (không xác định được căn cước lai lịch), P fax cho K1, K1 nhận rồi fax tiếp cho C toàn bộ số tiền trên. C giữ lại số tiền đánh bạc trên, không chuyển cho người khác. Tổng số tiền đánh bạc là 2.053.000 đồng. Thực tế số tiền thu lợi bất chính của C là 1.463.450 đồng, của K1 là 63.700 đồng, của P là 195.850 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Nhật T2, Trần Thị X khai: Không đánh bạc với C. Không có việc X nhận tiền của C. Tiến hành đối chất kết quả hai bên giữ nguyên lời khai.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T3 khai: T3 không biết nội dung ghi trên bản fax mà K1 (mẹ T3) nhờ fax hộ. T3 chỉ thực hiện fax hộ mẹ một lần. T3 không biết và không liên quan đến việc K1 đánh đề.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Thị V khai: Không biết và không tham gia việc tổ chức đánh bạc với Hoàng Văn C (bố V). V viết hộ C một số nội dung theo lời C đọc vào giấy nhưng không biết đó là nội dung đánh bạc. V không được hưởng lợi gì từ việc viết hộ C.

Quá trình điều tra Hoàng Văn C, Hoàng Thị K1 đã tự nguyện giao nộp số tiền tương ứng 33.726.000 đồng, 6.067.500 đồng; tại giai đoạn xét xử, Đặng Thị P đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 7.698.850 đồng là số tiền thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 80/2017/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng đã quyết định: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn C 05 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Hoàng Văn C có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo. Đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn C thay đổi nội dung kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Xét thấy, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau phân xét hỏi, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hoàng Văn C đồng phạm với bị cáo khác về tội “Tổ chức đánh bạc” là đúng.

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 05 năm tù là có phần nặng. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo nộp lại tiền phạt và một phần tiền thu lợi bất chính, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Với mục đích kiếm lời, từ khoảng tháng 8/2016, Hoàng Văn C đã tổ chức đánh bạc dưới hình thức số đề tại nhà, thông qua máy fax nhận bảng đề từ Hoàng Thị K1. Hoàng Thị K1 nhận bảng đề từ Đặng Thị P thông qua con trai là Nguyễn Văn T1 đến nhà Đặng Thị P lấy bảng đề sau đó Hoàng Thị K1 chuyển bảng đề cho Hoàng Văn C thông qua máy fax; Nguyễn Thị L chơi đề được thua bằng tiền tại nhà Đặng Thị P vào ngày 02/8/2016 với số tiền 150.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của Hoàng Văn C là 123.409.450 đồng (trong đó, số tiền thu lợi

ngày 02/8/2016 là 121.946.000 đồng; số tiền thu lợi ngày 04/8/2016 là 1.463.450 đồng), đây là số tiền thu lợi bất chính đặc biệt lớn. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hoàng Văn C phạm về tội "Tổ chức đánh bạc" vi phạm điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người khởi xướng, tổ chức, chuẩn bị công cụ và là người trực tiếp nhận bằng đề, thanh toán tiền; song cũng xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính và có thời gian tham gia quân đội, anh trai bị cáo là thương binh. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 05 năm tù là có phần nặng.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo tiếp tục nộp lại tiền phạt và một phần tiền thu lợi bất chính, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng pháp luật

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn C, sửa Bản án sơ thẩm: Giảm hình phạt cho bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: **Hoàng Văn C** 4 (Bốn) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP;
- Sở tư pháp;
- TAND, VKSND, CQĐT cấp sơ thẩm;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an tp (PV27, PC81);
- Lưu: HS; KT; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu Hà